

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH**

Số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2024

Về việc: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Thanh Nhiên
Bà Phạm Thị Nga
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Hằng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm C khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 291/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023, về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Phương M, Sinh năm 1991
Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.
- Bị đơn: Anh Hà T, Sinh năm 1980
Địa chỉ: Tổ B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình,
(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Phương M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Phương M và anh Hà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình vào ngày 28/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn. Sau đó, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh T chơi bời cờ bạc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2022, không ai quan tâm đến ai. Anh T đi làm ăn xa ở đâu chị không biết. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh Hà T để vợ chồng giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hà Châu A, sinh ngày 20/7/2010, Hà An N, sinh ngày 08/11/2015, Hà P, sinh ngày 10/3/2017. Khi ly hôn, chị Ngô Thị

Phương M có nguyện vọng được nuôi ba con và chưa yêu cầu anh Hà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Về C nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Về án phí ly hôn: Chị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi thụ lý đơn của chị M, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết C khai thông báo thụ lý vụ án, tiến hành báo gọi triệu tập đương sự, nhưng anh Hà T liên tục vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh tại địa phương.

Biên bản xác minh đối với Ông Đỗ Xuân Chiến, Tổ trưởng tổ 2, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình cung cấp như sau: Anh Hà T và chị M có hộ khẩu thường trú tại tổ 2, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình. Hiện nay, chị M đã chuyển về tổ 8, phường Quỳnh Lâm sinh sống tại nhà mẹ đẻ. Anh T sống cùng bố mẹ là bà Bình, ông Chi. Tuy nhiên, hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, thường xuyên đi làm ăn xa, làm ăn ở đâu ông không biết, thỉnh thoảng mới về, khoảng 2 tháng gần đây ông có thấy anh T về thăm con. Về mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì ông không biết cụ thể.

Bà Trần Thị Bình là mẹ đẻ của anh Hà T cung cấp như sau: Chị M và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng gần nhà bà tại phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cãi vã, chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ đầu năm 2023, vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, T đã đi làm ăn xa, cụ thể làm ở đâu thì T không nói chỉ thấy thỉnh thoảng có về và thường xuyên gọi điện về nhà. Việc M làm đơn ly hôn thì T có biết và cũng đồng ý ly hôn nhưng do cháu bạn C việc nên không về được. Về con chung: vợ chồng có ba con. Tài sản chung và C nợ chung thì không có.

Bà Nguyễn Thị Tuyết là mẹ đẻ của cháu Ngô Thị Phương M cung cấp: Cháu T và cháu M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, các con ở riêng tại phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi chửi nhau do anh T chơi bời, không chịu làm ăn. Cháu M đã bỏ về nhà bà tại tổ 8, phường Quỳnh Lâm, thành phố Hòa Bình khoảng một năm nay, vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, cháu T đi làm ăn xa, làm ở đâu cháu không nói, thỉnh thoảng có gọi điện về hỏi thăm bà. Nay cháu M làm đơn xin ly hôn thì bà mong tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành niêm yết C khai thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận C khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do anh T vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân căn cứ thực trạng hôn nhân giữa vợ chồng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh Hà T.

Về con chung: Giao ba con chung là Hà Châu A, sinh ngày 20/7/2010, Hà An N, sinh ngày 08/11/2015, Hà P, sinh ngày 10/3/2017 cho chị Ngô Thị Phương M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Anh Hà T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, C nợ chung: chị M khai không có gì, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: căn cứ quy định Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận chị M tự nguyện nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn anh Hà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Phương M và anh Hà T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Chị M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh T thường xuyên chơi bời không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng ly thân không còn sống chung. Nay, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thực trạng cuộc sống chung vợ chồng chị M và anh T, qua kết quả xác minh cho thấy cuộc sống chung tồn tại rất nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu quan tâm đến nhau. Từ nhận định trên thấy rằng, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

Về con chung: Chị M và anh T có 03 con chung là Hà Châu A, sinh ngày 20/7/2010, Hà An N, sinh ngày 08/11/2015, Hà P, sinh ngày 10/3/2017. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi 03 con. Xét, chị M hiện có thu nhập, có chỗ ở ổn định. Hơn nữa, anh T không đến Tòa án, không nêu được quan điểm về việc nuôi con, hiện nay anh T đi làm ăn xa ở đâu không rõ nên xét thấy cần giao 03 con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con, chị M chưa yêu cầu nên chưa xem xét. Anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, C nợ chung: Chị M khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, C nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thị Phương M tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Phương M ly hôn anh Hà T.

2. Về con chung:

- Giao 03 con chung là Hà Châu A, sinh ngày 20/7/2010, Hà An N, sinh ngày 08/11/2015, Hà P, sinh ngày 10/3/2017 cho chị Ngô Thị Phương M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Anh Hà T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Phương M tự nguyện nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai số 0000032 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Phương M và anh Hà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- UBND p. Đồng Tiến, TPHB;
- Dương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Lan